

**Tên chương trình:** Quản lý kinh tế (Economic Management)

**Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

**Ngành:** Quản lý kinh tế

**Mã ngành:** 8340410

**Định hướng đào tạo:** Ứng dụng

**Bằng tốt nghiệp:** Thạc sĩ Quản lý kinh tế

(Ban hành tại Quyết định số /QĐ-ĐHBK-SĐH ngày tháng năm 20  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội)

## 1. Mục tiêu đào tạo

### Mục tiêu tổng quát

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý kinh tế đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
- Đào tạo người học có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo, có năng lực lý luận, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc để có thể làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

### Mục tiêu cụ thể

Học viên tốt nghiệp Chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế có thể:

- (1) Vận dụng được kiến thức cơ sở chuyên môn rộng nhằm thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý kinh tế để có khả năng làm việc độc lập;
- (2) Làm chủ các kỹ năng nghề nghiệp và có những phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp;
- (3) Làm chủ các kỹ năng xã hội cần thiết để có khả năng làm việc trong tập thể đa ngành, đáp ứng đòi hỏi của các đề án phát triển kinh tế liên quan tới nhiều ngành khác nhau;
- (4) Vận dụng được các kiến thức để độc lập, tự chủ trong tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề đa ngành, đa lĩnh vực, có năng lực khám phá và thử nghiệm kiến thức mới về quản lý kinh tế.

## 2. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Học viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm và năng lực thực hành nghề nghiệp như sau:

Ký hiệu	Chủ đề CDR	TDNL
1.	<b>Vận dụng được kiến thức cơ sở chuyên môn rộng nhằm thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý kinh tế để có khả năng làm việc độc lập;</b>	
1.1	Nắm vững, tích lũy và nâng cao những kiến thức về kinh tế nói chung và khoa học quản lý nói riêng.	5
1.1.1	<i>Nắm vững được kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế học để có thể hiểu được các cơ chế vận hành của thị trường cũng như về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của một nền kinh tế;</i>	5
1.1.2	<i>Nắm vững và vận dụng được các kiến thức về lãnh đạo và quản lý ở quy mô một tổ chức kinh tế cũng như quy mô quản lý cấp quốc gia, tỉnh, huyện;</i>	5
1.1.3	<i>Nắm bắt được những vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế, các chính sách, những quy định cụ thể điều chỉnh trực tiếp các hoạt động kinh tế.</i>	5
1.1.4	<i>Hiểu và nắm được kiến thức, các công cụ có thể sử dụng để phân tích, đánh giá các chính sách kinh tế xã hội.</i>	5
1.1.5	<i>Nắm được và biết cách vận dụng các phương pháp và kỹ thuật trong quản trị nhân lực cho một tổ chức, doanh nghiệp và xã hội.</i>	5
1.2	Nắm vững và vận dụng được các kiến thức chuyên ngành để nghiên cứu, phân tích và đánh giá các hoạt động kinh tế. Hoạch định và thực thi các chương trình, dự án phát triển kinh tế địa phương.	4
1.2.1	<i>Hiểu kiến thức cơ bản về tài chính công để nhận dạng và làm rõ những vấn đề liên quan đến việc chính phủ sử dụng các công cụ tài chính với mục tiêu can thiệp vào nền kinh tế để đảm bảo tăng trưởng bền vững.</i>	4
1.2.2	<i>Hiểu, biết cách thiết kế và phát triển dịch vụ công; định giá, phân phối và truyền thông dịch vụ công cùng những vấn đề liên quan đến kế toán tại các đơn vị công.</i>	4
1.2.3	<i>Nắm được những kiến thức cơ bản và ứng dụng trong quản lý chuỗi cung ứng, quản lý một mạng lưới kết nối của các bên tham gia vào việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ từ người sản xuất đến người tiêu dùng.</i>	4
1.2.4	<i>Nắm được các kiến thức nâng cao về quản lý chương trình dự án để thẩm định, triển khai thực hiện, đánh giá chương trình dự án các cấp, nhằm quản lý tốt và bền vững các nguồn lực xã hội</i>	4
1.2.5	<i>Hiểu được vai trò của thuế, hệ thống thuế quốc gia từ tổ chức bộ máy đến các sắc thuế và cơ chế hành thu thuế để có thể xử lý các tình huống liên quan đến nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, tổ chức.</i>	4
1.2.6	<i>Nắm được và biết cách phân tích môi trường kinh tế, môi trường ngành phục vụ hoạch định chiến lược và lập kế hoạch phát triển kinh tế theo quan điểm phát triển bền vững;</i>	4

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề CDR</b>	<b>TĐNL</b>
1.2.7	<i>Hiểu được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, khai thác và quản lý nguồn tài nguyên và môi trường cũng như các công cụ phục vụ cho việc quản lý và khai thác tài nguyên, môi trường.</i>	4
1.2.8	<i>Nắm được những vấn đề cơ bản về công nghệ, quản lý công nghệ, các kiến thức về đổi mới và quản lý đổi mới. Mối quan hệ giữa công nghệ, đổi mới và tăng trưởng kinh tế cùng các kiến thức về hoạch định chính sách công nghệ và đổi mới thích hợp.</i>	4
<b>2</b>	<b>Làm chủ các kỹ năng nghề nghiệp và có những phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp</b>	
2.1	Biết cách Phát hiện vấn đề; Tổng quát hóa vấn đề; Đánh giá và phản biện được các vấn đề về quản lý kinh tế.	5
2.1.1	<i>Xác định những vấn đề kinh tế xã hội phát sinh và các tương tác trong hệ thống và hệ thống hóa các vấn đề.</i>	5
2.1.2	<i>Đánh giá và sắp xếp các yếu tố theo các tiêu chí khác nhau của vấn đề quản lý kinh tế</i>	5
2.1.3	<i>Vận dụng tư duy phân tích phê phán để phản biện được các vấn đề thực tiễn về quản lý kinh tế.</i>	5
2.1.4	<i>Vận dụng tư duy sáng tạo và linh hoạt vào xem xét, phân tích và ra quyết định.</i>	5
2.2	Có khả năng thu thập thông tin, lựa chọn các phương pháp nghiên cứu thích hợp để phân tích và giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội đặt ra;	5
2.2.1	<i>Biết cách thu thập, chọn lọc thông tin và dữ liệu thích hợp cho mỗi vấn đề kinh tế xã hội</i>	5
2.2.2	<i>Phân tích các nguyên nhân của vấn đề theo các bối cảnh cụ thể. Lựa chọn và sử dụng phương pháp, các công cụ hỗ trợ hiện đại cho phân tích đánh giá.</i>	5
2.2.3	<i>Phân tích các đánh đổi và lựa chọn và quyết định giải pháp phù hợp</i>	5
2.2.4	<i>Hiểu và vận dụng tốt các phương pháp nghiên cứu phục vụ trong các nghiên cứu kinh tế xã hội và quản lý.</i>	5
2.3	Có kỹ năng quản lý, tư duy, áp dụng lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chính sách quản lý kinh tế.	5
2.3.1	<i>Kỹ năng quản lý theo quá trình quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát</i>	5
2.3.2	<i>Có khả năng tư duy, kỹ năng nghiên cứu độc lập và thường xuyên cập nhật kiến thức</i>	5
2.3.3	<i>Có thể hoạch định và chủ động lập kế hoạch, áp dụng lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chính sách quản lý kinh tế.</i>	5
2.4	<b>Phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp</b>	5

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề CDR</b>	<b>TĐNL</b>
2.4.1	<i>Có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm trong công việc, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân. Có khả năng làm việc và nghiên cứu độc lập.</i>	5
2.4.2	<i>Có hiểu biết về văn hóa – kinh tế, xã hội và pháp luật. Chủ động trong công việc, biết lắng nghe, trung thực, tự chủ và sáng tạo.</i>	5
2.4.3	<i>Có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ. Luôn nuôi dưỡng khát vọng cống hiến, vươn lên, có tinh thần phục vụ lợi ích quốc gia và cộng đồng.</i>	5
<b>3.</b>	<b>Làm chủ các kỹ năng xã hội cần thiết để có khả năng làm việc trong tập thể đa ngành, đáp ứng đòi hỏi của các đề án phát triển kinh tế liên quan tới nhiều ngành khác nhau</b>	
3.1	Làm chủ kỹ năng viết, giao tiếp và thuyết trình;	5
3.1.1	<i>Làm chủ kỹ năng tổng hợp và viết báo cáo</i>	5
3.1.2	<i>Làm chủ kỹ năng thuyết trình, diễn đạt các vấn đề và giải pháp</i>	5
3.1.3	<i>Có khả năng diễn thuyết, chuyên tải, phổ biến kiến thức</i>	5
3.2	Có khả năng lãnh đạo, dẫn dắt, xử lý tình huống, tư vấn, đàm phán và thương thuyết	5
3.2.1	<i>Có khả năng lãnh đạo trong các tổ chức kinh tế, cơ quan quản lý từ cấp trung ương đến địa phương ở tầm vĩ mô và vi mô.</i>	5
3.2.2	<i>Có khả năng liên kết, khai thác và tổ chức vận hành hoạt động của nhóm và giữa các nhóm làm việc khác nhau</i>	5
3.2.3	<i>Làm chủ kỹ năng đàm phán, thương thuyết và xử lý những tình huống phát sinh</i>	5
<b>4</b>	<b>Vận dụng được các kiến thức để độc lập, tự chủ trong tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề đa ngành, đa lĩnh vực, có năng lực khám phá và thử nghiệm kiến thức mới về quản lý kinh tế</b>	
4.1	Có năng lực xây dựng chiến lược và kế hoạch trong các lĩnh vực và ngành nghề kinh tế xã hội	4
4.1.1	<i>Nắm bắt và làm rõ được các vấn đề thời sự, kinh tế xã hội trong nước và quốc tế cũng như mối quan hệ giữa vấn đề kinh tế xã hội đặt ra hay giữa tổ chức, doanh nghiệp với các yếu tố của môi trường bên ngoài</i>	4
4.1.2	<i>Có năng lực xây dựng chiến lược, kế hoạch cho tổ chức, doanh nghiệp nhằm đảm bảo các mục tiêu đã đặt ra</i>	4
4.1.3	<i>Có năng lực hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội.</i>	4
4.2	Năng lực đánh giá, tổ chức triển khai và quản lý chiến lược, kế hoạch phát triển đa ngành, đa lĩnh vực cũng như các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội.	4

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề CDR</b>	<b>TĐNL</b>
4.2.1	<i>Có năng lực quản lý nguồn lực, quản lý khoa học công nghệ để thẩm định, triển khai thực hiện, đánh giá chương trình dự án cấp quốc gia và địa phương</i>	4
4.2.2	<i>Tổ chức triển khai, lựa chọn và điều phối các nguồn lực khi triển khai. Quản lý tốt và bền vững các nguồn lực xã hội.</i>	4
4.2.3	<i>Đào tạo/huấn luyện để thực thi chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội.</i>	4
4.3	Có khả năng khám phá và thử nghiệm kiến thức mới về quản lý kinh tế	4
4.3.1	<i>Có khả năng ứng dụng những lý thuyết kinh tế và khoa học quản lý được trang bị để khám phá những ý tưởng khoa học mới liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế.</i>	4
4.3.2	<i>Nhận diện và đánh giá các cơ hội đổi mới để thử nghiệm cải tiến và phát triển hệ thống theo yêu cầu.</i>	4
4.3.3	<i>Đánh giá kết quả và ra quyết định điều chỉnh.</i>	4

Bảng ghi chú thang thước đo năng lực theo Bloom (TĐNL)

<b>TĐNL</b>	<b>Ý nghĩa</b>
1	Có biết qua/nghe qua
2	Có hiểu biết/có thể tham gia
3	Có khả năng ứng dụng
4	Có khả năng phân tích
5	Có khả năng tổng hợp
6	Có khả năng đánh giá

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

<b>TT</b>	<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Kiến thức chung: - Triết học - Tiếng Anh (không tính số tín chỉ, yêu cầu học viên đáp ứng chuẩn đầu ra)	4 TC
2	Cơ sở ngành, chuyên ngành nâng cao (bắt buộc)	16 TC
3	Chuyên ngành (tự chọn)	16 TC

4	Luận văn tốt nghiệp	9 TC
	<b>Tổng số:</b>	<b>45 TC</b>

#### 4. Tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh

- Tuyển sinh được thực hiện bằng hình thức thi tuyển với ba môn thi là Toán cao cấp, Tiếng Anh và Kinh tế và quản lý đại cương.
- Đối tượng tuyển sinh được quy định cụ thể như sau:

##### 4.1. Về văn bằng

Người dự thi phải tốt nghiệp đại học thuộc một trong các nhóm đối tượng sau:

##### QUY ƯỚC MÃ NHÓM ĐỐI TƯỢNG HỌC VIÊN

	Ngành tốt nghiệp đại học	Trường tốt nghiệp đại học	
		ĐHBKHN (*)	Các trường ĐH khác
Ngành đúng	Quản trị kinh doanh, quản lý công nghiệp, kinh tế, tài chính, ngân hàng hoặc các ngành tương đương.	A1	A2
Ngành phù hợp	Các ngành khoa học, kỹ thuật, công nghệ.	B1	B2

(\*) và các trường đại học khác được ĐHBKHN công nhận tín chỉ trong CTĐT đại học

- Các đối tượng được miễn học phần và các đối tượng phải học bổ sung do Viện Kinh tế - Quản lý xét hồ sơ dự tuyển và quyết định cụ thể
- Các đối tượng khác do Hội đồng khoa học và đào tạo của Viện Kinh tế - Quản lý quyết định.

##### 4.2. Về thâm niên công tác

Đối với đối tượng đăng ký dự thi để học theo định hướng ứng dụng: không yêu cầu có thâm niên công tác.

#### 5. Thời gian đào tạo

- Khóa đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế chuẩn là 1,5 năm (3 học kỳ chính)

#### 6. Miễn học phần

Danh mục các học phần xét miễn học sẽ được hội đồng xét từng trường hợp đối tượng học viên thuộc nhóm A1 đã tốt nghiệp kỹ sư kinh tế của Trường ĐH BKHN<sup>(\*)</sup> theo danh mục các HP của chương trình thực tế nhưng không miễn quá 12 tín chỉ.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo được tổ chức theo học chế tín chỉ, tuân theo Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, ban hành theo Quyết định số ...../QĐ-ĐHBK-SĐH ngày ..... tháng ..... năm ..... của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

## 8. Thang điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng cho điểm thành phần (điểm tiện ích) của học phần.

	Thang điểm 10 (điểm thành phần)				Thang điểm 4	
					Điểm chữ	Điểm số
Đạt*	từ 8,5 Đến 10	A	4			
	từ 7,0 Đến 8,4	B	3			
	từ 5,5 Đến 6,9	C	2			
	từ 4,0 Đến 5,4	D	1			
Không đạt	Dưới 4,0				F	0

\* Riêng Luận văn tốt nghiệp: Điểm từ C trở lên mới được coi là đạt.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Danh mục học phần chuyên ngành

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
Kiến thức chung	SS6011	Triết học	4	4(3-0-2-8)
KIẾN THỨC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC	EM6010	Kinh tế học vi mô nâng cao	3	3(3-0-0-6)
	EM6020	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	3	3(3-0-0-6)
	EM6030	Lãnh đạo và quản lý	3	3(3-0-0-6)
	EM6040	Các phương pháp định lượng trong kinh tế và kinh doanh	2	2(2-1-0-4)
	EM6200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2(2-1-0-4)
	EM6630	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	3(3-0-0-6)
KIẾN THỨC CHUYÊN	<b>Modun 1</b>	<b>Thế chế và phát triển</b>		
	EM6060	Chiến lược quản trị nguồn nhân lực	3	3(3-0-0-6)

NGÀNH tự chọn (16 TC)	EM6280	Các vấn đề pháp lý trong kinh tế và kinh doanh	2	2(2-1-0-4)
	EM6420	Tài chính công	3	3(3-0-0-6)
	EM6450	Công nghệ, đổi mới và tăng trưởng kinh tế	3	3(3-0-0-6)
	EM6660	Quản lý tài nguyên môi trường	2	2(2-1-0-4)
	EM6700	Hoạch định và phát triển	3	3(3-0-0-6)
	<b>Modun 2</b>	<b>Kinh tế địa phương</b>		
	EM6650	Quản trị và marketing dịch vụ công	3	3(3-0-0-6)
	EM6660	Quản lý tài nguyên môi trường	2	2(2-1-0-4)
	EM6680	Các chương trình và dự án công	3	3(3-0-0-6)
	EM6720	Thuế và Quản lý thuế	2	3(3-0-0-6)
	EM6830	Chuỗi cung ứng và mạng sản xuất	3	3(3-0-0-6)
	EM6840	Kế toán công	3	3(3-0-0-6)
Luận văn	LV6002	Luận văn tốt nghiệp	9	9(0-0-18-40)

## 9.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

Các đối tượng B1, B2 phải học bổ sung (học kỳ dự bị, thực hiện trước khi dự thi tuyển sinh) 15 tín chỉ các học phần trong danh mục sau đây. Các đối tượng và các học phần bổ sung cụ thể do Viện Kinh tế và Quản lý xem xét hồ sơ dự tuyển quyết định.

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	ĐÁNH GIÁ	KHỐI LƯỢNG
<b>Bổ sung</b>	EM3111	Quản trị học	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)
	EM3210	Nguyên lý Marketing	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)
	EM3500	Nguyên lý kế toán	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)
	EM4413	Quản trị nhân lực	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)
	EM4435	Quản trị dự án	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)

## 9.3. Danh mục học phần tăng cường kiến thức

Các đối tượng A2 phải học tăng cường kiến thức (học kỳ chính, thực hiện sau khi trúng tuyển) 12 tín chỉ các học phần trong danh mục sau đây.



<b>NỘI DUNG</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>TÍN CHỈ</b>	<b>ĐÁNH GIÁ</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>
<b>Tăng cường (Chọn 12TC)</b>	EM6410	Các định chế tài chính	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)
	EM6450	Công nghệ, đổi mới và tăng trưởng kinh tế	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)
	EM6650	Quản trị và marketing dịch vụ công	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)
	EM6690	Quản lý các ngành công nghiệp	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)
	EM6700	Hoạch định và phát triển	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)
	EM6830	Chuỗi cung ứng và mạng sản xuất	3	KT(0,3)-T(0,7)	3(3-0-0-6)